

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-PT  
Ngày: 06-01-2022  
“*V/v Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Nam Trung.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

2. Ông Nguyễn Văn Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2021/TLPT-DS, ngày 15/6/2022, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2021/QĐ-PT, ngày 30/6/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 115/2021/QĐ-PT, ngày 14/7/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số 82/TB-TA, ngày 21/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 245/2021/QĐ-PT, ngày 21/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 289/2021/QĐ-PT, ngày 16/11/2021; Thông báo về việc dời phiên tòa phúc thẩm số 181/2021/TB-TA, ngày 08/12/2021 và Thông báo về việc dời phiên tòa phúc thẩm số 194/2021/TB-TA, ngày 16/12/2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Công ty D.

Địa chỉ: khóm 1, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1957; Địa chỉ: 38/9, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; Theo Hợp đồng ủy quyền số 02/2018/HĐUQ ngày 19/12/2018 (có mặt).

**\* Bị đơn:** Công ty T.

Địa chỉ cũ: Số 47, đường L, khóm 7, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ trụ sở mới của Công ty: Số 384, đường T, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 5 đường P, khóm 2, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Theo Giấy ủy quyền ngày 10/5/2021 (có mặt).

\* *Người kháng cáo:* Công ty T là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:*

\* *Nguyên đơn Công ty D trình bày:*

Ngày 20/7/2016 Công ty D (gọi tắt là Cty D) có ký Hợp đồng mua bán số 099/HĐMB/2016 “V/v cung ứng gạch xi măng cốt liệu không nung” với Công ty T (gọi tắt là Cty T) để cung cấp vật tư xây dựng cho Cty T xây dựng các công trình như: Nhà văn hóa phường, Trường mầm non và Trường tiểu học ở thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07/6/2018 Cty D tiếp tục ký Hợp đồng kinh tế số 27/HĐKT.2018 với Cty T để cung cấp vật tư xây dựng cho Cty T để xây dựng Trường mầm non 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ngày 07/12/2018 bà Nguyễn Thị Thúy D là kế toán của Công ty T có viết và ký tên xác nhận vào “Bảng kê đối chiếu và xác nhận công nợ” lập ngày 20/7/2018 giữa Công ty D và Công ty T, có nội dung như sau: “Xác nhận đến ngày 07/12/2018 số tiền còn nợ lại là 107.618.615đ - Nguyễn Thị Thúy D, chức vụ: kế toán: Đại diện giám đốc Sơn T. Công ty TNHH XDTM T cam kết từ ngày 07/12-17/12/2017 sẽ thanh toán cho Cty TNHH XDTM D số tiền: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Số còn lại Cty T sẽ trả đến ngày 10/01/2018 thanh toán kết thúc công nợ. Cty TNHH XDTM D xuất hóa đơn đầy đủ cho Cty T trong năm 2018”. Tuy nhiên, từ đó đến nay Cty T không thực hiện trả tiền đúng như cam kết.

Vì vậy, Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T trả số tiền tổng cộng 198.018.252đ; Trong đó tiền mua vật tư xây dựng còn thiếu là 107.618.615đ; tiền lãi tính theo mức lãi suất 3%/tháng (tính từ ngày 07/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/4/2021, tính tròn là 28 tháng), với số tiền lãi là 90.399.637đ.

Nguyên đơn không đồng ý theo các yêu cầu phản tố của bị đơn, vì nguyên đơn không vi phạm như bị đơn trình bày.

\* *Bị đơn Công ty T trình bày:*

Bị đơn thừa nhận còn thiếu tiền mua vật tư xây dựng của nguyên đơn với số tiền là 107.618.615đ. Bị đơn chưa trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn vì trong quá trình mua bán, phía nguyên đơn cung cấp vật tư không đảm bảo chất lượng và chưa xuất hóa đơn đầy đủ, cụ thể như sau:

+ Đối với sản phẩm gạch bê tông cốt liệu không nung, yêu cầu Công ty D phải bồi thường chi phí khắc phục hậu quả nhau sau:

- Chi phí nhân công: 90.000.000đ.

- Chi phí bảo hành 5% do vật tư không đạt chất lượng: 69.188.000đ.

+ Đối với gạch vỉa hè chịu khoản chi phí do chủng loại gạch màu sắc không đồng nhất, hoen ố:

- Phí bảo hành: 15.674.000đ.

+ Đối với khoản tiền chưa xuất hóa đơn, tổng số tiền Công ty T đã thanh toán cho Công ty D là 1.589.638.000 đồng nhưng Công ty D chỉ xuất hóa đơn cho Công ty T 802.622.133 đồng, còn lại chưa xuất hóa đơn trong năm 2018 là 787.015.867đ với số tiền là 78.701.500đ.

Tổng cộng là: 90.000.000đ + 69.188.000đ + 15.674.000đ + 78.701.500đ = 253.563.500đ.

Trừ đi số tiền Công ty T còn thiếu Công ty D là 107.618.615đ, số tiền Công ty D còn phải trả cho Công ty T là: 253.563.500đ - 107.618.615đ = 145.944.885đ.

Ngoài ra Công ty D còn phải nộp một khoản tín dụng vào ngân hàng tương đương 156.740.585đ để cam kết tháo dỡ và lát gạch thay thế lại toàn bộ khi chủ đầu tư có yêu cầu.

*Vì vậy, Công ty T làm đơn phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết:*

- Buộc Công ty D phải trả cho Công ty T số tiền còn thiếu sau khi đã căn trừ là 145.944.885đ và tiền lãi tính từ 07/01/2019 đến 24/11/2020 với lãi suất là 3%/tháng, số tiền lãi là 98.804.652, tổng cộng là 244.749.537đ.

- Buộc Công ty D phải nộp một khoản tín dụng vào ngân hàng tương đương số tiền 156.740.585đ, để cam kết tháo dỡ và lát gạch thay thế lại toàn bộ phần hạng mục sân nền khi chủ đầu tư có yêu cầu trong thời gian còn trách nhiệm bảo hành.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST, ngày 26/4/2021, đã quyết định như sau:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 357; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ các khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- *Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D: Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây*

*dựng thương mại T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D tổng cộng số tiền vốn và lãi là 132.629.181 đồng (Trong đó tiền vốn là 107.618.615 đồng, tiền lãi là 25.010.566 đồng).*

*- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D về việc buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D số tiền lãi là 65.389.071 đồng.*

*- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T về việc buộc nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D phải trả tổng số tiền 244.749.537 đồng (trong đó tiền chưa xuất hóa đơn 145.944.885 đồng; tiền lãi tính từ 07/01/2019 đến 24/11/2020 với lãi suất là 3%/tháng, số tiền lãi 98.804.652 đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D phải nộp một khoản tín dụng vào ngân hàng tương đương 156.740.585 đồng ( $313.481.170 \times 50\%$ ) để cam kết tháo dỡ và lót gạch thay thế lại toàn bộ phần hạng mục sân nền khi chủ đầu tư có yêu cầu trong thời gian còn trách nhiệm bảo hành.*

*Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T còn phải trả lãi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/5/2021, bị đơn là Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng:

*- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 107.618.615đ và tiền lãi phát sinh.*

*- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải trả số tiền 401.490.122đ.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rút đơn phản tố và đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do kháng cáo của bị đơn không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**[2] Về nội dung kháng cáo**: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, cụ thể là:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 107.618.615đ và tiền lãi phát sinh.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải trả số tiền 401.490.122đ.

*Xét kháng cáo của bị đơn là Công ty T thì thấy rằng:*

- Bị đơn phản tố cho rằng nguyên đơn cung cấp vật tư xây dựng có các vi phạm như: Gạch bê tông cốt liệu không nung không đạt chất lượng, do đó phải khắc phục, cụ thể: Chi phí nhân công: 90.000.000đ; Chi phí bảo hành 5% do vật tư không đạt chất lượng: 69.188.000đ; gạch vữa hè có lỗi do màu sắc không đồng nhất, hoen ố: Phí bảo hành: 15.674.000đ và khoản tiền chưa xuất hóa đơn năm 2018 là 78.701.500đ; tổng cộng là 253.563.500đ. Ngoài ra, Công ty T còn yêu cầu Công ty D phải nộp một khoản tín dụng vào ngân hàng tương đương số tiền 156.740.585đ, để cam kết tháo dỡ và lát gạch thay thế lại toàn bộ phần hạng mục sân nền khi chủ đầu tư có yêu cầu trong thời gian còn trách nhiệm bảo hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền bị đơn thừa nhận: Sau khi nguyên đơn giao hàng cho bị đơn để xây dựng các công trình thì bị đơn chưa thông báo cho nguyên đơn biết việc nguyên đơn giao hàng không đảm bảo chất lượng theo hợp đồng mà các bên đã ký, các bên cũng chưa làm việc, trao đổi với nhau về việc nguyên đơn giao vật tư xây dựng cho bị đơn không đảm bảo chất lượng. Bị đơn làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn phải trả các khoản tiền phát sinh để khắc phục hậu quả do nguyên đơn giao hàng không đảm bảo chất lượng, sau khi nguyên đơn đã khởi kiện đòi tiền mua bán vật tư xây dựng tại Tòa án. Khi nhận và sử dụng vật liệu xây dựng của nguyên đơn, nếu không đảm bảo chất lượng thì bị đơn phải thông báo cho nguyên đơn biết hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết về việc giao

hàng không đảm bảo chất lượng, nhưng bị đơn đã không làm các thủ tục nêu trên thì được coi là bị đơn đã thừa nhận nguyên đơn đã giao hàng đúng theo thỏa thuận. Như vậy, chưa có cơ sở để xác định nguyên đơn giao vật tư xây dựng không đảm bảo chất lượng theo lời trình bày của bị đơn. Đối với khoản tiền nộp vào ngân hàng để khắc phục hậu quả do vật tư xây dựng không đảm bảo chất lượng là sự việc chưa xảy ra trên thực tế. Vì vậy, yêu cầu này của bị đơn cũng không được Tòa án chấp nhận.

Do bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ và nguyên đơn không thừa nhận. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Khi làm đơn phản tố, bị đơn thừa nhận còn thiếu tiền mua vật tư xây dựng của nguyên đơn chưa trả là 107.618.615đ, được trừ vào các khoản tiền bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả khi phản tố là 253.563.500đ, số tiền còn lại nguyên đơn phải trả cho bị đơn là  $253.563.500đ - 107.618.615đ = 145.944.885đ$  và tiền lãi tính từ 07/01/2019 đến 24/11/2020 với lãi suất là 3%/tháng, số tiền lãi là 98.804.652đ, tổng cộng là 244.749.537đ, cộng với khoản tiền bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải nộp vào Ngân hàng là 156.740.585đ, để cam kết tháo dỡ và lót gạch thay thế lại toàn bộ phần hạng mục sân nền khi chủ đầu tư có yêu cầu trong thời gian còn trách nhiệm bảo hành, tổng cộng là:  $244.749.537đ + 156.740.585đ = 401.490.122đ$ . Do yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận toàn bộ. Vì vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền mua vật tư xây dựng còn thiếu cho nguyên đơn với số tiền là 107.618.615đ và tiền lãi phát sinh là 25.010.566đ theo nội dung bản án sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật, vì:

**Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về “Nghĩa vụ trả tiền” như sau:**

*“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*

*2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản.*

*3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”.*

**Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về “Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền” như sau:**

*“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

*2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua hàng còn thiếu. Vì vậy, bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn theo các quy định của pháp luật đã được viện dẫn nêu trên.

Bị đơn không chứng minh được kháng cáo của bị đơn là có căn cứ pháp luật trong khi nguyên đơn không thừa nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] *Về án phí phúc thẩm*: Do kháng cáo của bị đơn là Công ty T không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định tại khoản 01 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 01 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty T.

**1-** Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST, ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- *Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.*

- *Căn cứ: Điều 357; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

- *Căn cứ các khoản 4, 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

- *Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D: Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D tổng cộng số tiền vốn và lãi là 132.629.181 đồng (Trong đó tiền vốn là 107.618.615 đồng, tiền lãi là 25.010.566 đồng).*

- *Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D về việc buộc bị đơn Công ty trách nhiệm*

*hữu hạn xây dựng thương mại T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D số tiền lãi là 65.389.071 đồng.*

*- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T về việc buộc nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D phải trả tổng số tiền 244.749.537 đồng (trong đó tiền chưa xuất hóa đơn 145.944.885 đồng; tiền lãi tính từ 07/01/2019 đến 24/11/2020 với lãi suất là 3%/tháng, số tiền lãi 98.804.652 đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D phải nộp một khoản tín dụng vào ngân hàng tương đương 156.740.585 đồng (313.481.170 x 50%) để cam kết tháo dỡ và lát gạch thay thế lại toàn bộ phân hạng mục sân nền khi chủ đầu tư có yêu cầu trong thời gian còn trách nhiệm bảo hành.*

*- Về án phí dân sự sơ thẩm:*

*Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.269.453 đồng. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.201.654 đồng theo biên lai thu số 0004867 ngày 09/01/2019, của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D còn phải nộp thêm số tiền là 67.799 đồng.*

*Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng số tiền là 26.691.064 đồng (trong đó gồm án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận số tiền là 6.631.459 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận số tiền là 20.059.605 đồng). Do Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 3.948.600 đồng theo biên lai thu số 0007602 ngày 28/6/2019, của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T còn phải nộp thêm số tiền là 22.742.464 đồng.*

*Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại T còn phải trả lãi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.*

**2- Án phí dân sự phúc thẩm:** Bị đơn là Công ty T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007918 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,*



*tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố S;
- TAND thành phố S;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Nam Trung**